TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 340/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 20 - 7 - 2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lý Khắc Chung;
Ông Đỗ Sơn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 96/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Thị T, sinh năm 1979; (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 (Xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp Bình Tr, xã Bình M, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Châu Thị T trình bày: Chị T và anh L là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cải vả nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc, đã ly thân hơn 01 năm. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với

anh L. Về con chung: Chị T và anh L chung sống có 02 con chung tên Châu Nguyễn Thế Tr, sinh ngày 22/02/2003, Châu Nguyễn Thế Tr1, sinh ngày 08/6/2006 hiện 02 con chung đang ở với anh L, ly hôn đồng ý giao 02 con chung cho anh L tiếp tục, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị T về thời gian chung sống, mâu thuẫn, thời gian ly thân, đồng ý ly hôn. Con chung có 02 con chung tên Châu Nguyễn Thế Tr, sinh ngày 22/02/2003, Châu Nguyễn Thế Tr1, sinh ngày 08/6/2006 hiện 02 con chung đang ở với anh L, ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi 02 chung. Không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, đồng ý giao 02 con chung cho anh L tiếp tục nuôi, không yêu dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn L có hộ khẩu thường trú tại xã Bình M, huyện CP, tỉnh An Giang. Chị T khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị T và anh L chung sống năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, chị T cho rằng vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, đã ly thân hơn 01năm, nay không còn tình cảm đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên kiên quyết ly hôn. Xét thấy, chị T và anh L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Châu Thị T và anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Chị T và anh L chung sống có 02 con chung tên Châu Nguyễn Thế Tr, sinh ngày 22/02/2003, Châu Nguyễn Thế Tr1, sinh ngày 08/6/2006 hiện 02 con chung đang ở với anh L. Ly hôn, chị T thống nhất giao 02 cháu Tr và Tr1 cho anh L tiếp tục nuôi. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu Tr và cháu Tr1 được anh L chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, anh L có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của cháu Tr và cháu Tr1 muốn ở với anh L và anh L có nguyện vọng nuôi 02 con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Tr và cháu Tr1 cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Châu Thị T và anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao con chung tên Châu Nguyễn Thế Tr, sinh ngày 22/02/2003, Châu Nguyễn Thế Tr1, sinh ngày 08/6/2006 cho anh Nguyễn Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh L cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Châu Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006243 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ